

Số: 73/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1979.

- **Bị đơn:**Chị Quách Thị N, sinh năm 1981.

Cùng trú tại: Bản M,xã K,huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ủy ban nhân dân xã K,huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Bản M,xã K,huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Do ông Vũ Đình L, chủ tịch UBND xã là đại diện.

+ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1952; Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1952.

Cùng trú tại: Bản M,xã K,huyện N, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Đinh Văn T sinh năm 1975.

Trú tại: Bản A,xã K,huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 164, 165, 166, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 35, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn B và Chị Quách Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

*2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:*Chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là các cháu: Phạm Tuấn A sinh ngày 30/4/2003; Phạm Khánh H sinh ngày 01/8/2009 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu là 1.000.000^d/tháng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày Chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh B không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng Anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Anh B và Chị N thống nhất giá trị các tài sản có trên thửa đất số 56 tờ bản đồ 50 bản đồ địa chính xã K lập năm 2011 bao gồm nhà hai tầng, công trình phụ, quán bán hàng, sân, cổng, tường rào xung quanh nhà và chuồng lợn chuồng bò là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

*Anh B được quyền sở hữu và sử dụng những tài sản chung sau: 01 căn nhà hai tầng cùng công trình phụ và quán bán hàng, sân cổng. Những tài sản trên

được xây dựng trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 50, diện tích 777,4 m² xã K lập năm 2011 (đo đạc thực tế có diện tích là 904 m², có nguồn gốc là của ông B, bà K được nông trường quốc doanh Ninh Bình giao cho ông B và bà K sử dụng. Hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Anh B có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản trên đất cho Chị N là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Thời điểm thanh toán là 15/7/2020.

*Chị N được quyền sở hữu số tiền 600.000.000 đ (Sáu trăm triệu đồng) do Anh B thanh toán.

Ngày 26/6/2020 Anh B đã thanh toán xong cho Chị N 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Anh B có trách nhiệm thanh toán cho anh Đinh Văn T số tiền làm chung giếng khoan nước là 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh B không thi hành hết số tiền thanh toán cho anh T thì hàng tháng Anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. *Về công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về chi phí xem xét thẩm định và định giá*: Anh B và Chị N thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa. Tổng số tiền N đã chi phí là: 6500.000 đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).Anh B có trách nhiệm thanh toán lại cho Chị N là 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

2.5. *Về Án phí* :

- *Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Phạm Văn B nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)Anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000402 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- *Án phí chia tài sản chung*:

+Chị N phải nộp là 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng).

Được đối trừ vào số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000504 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị N số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

+Anh B phải nộp là 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng)..

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH